TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 153 /2019/KDTM - PT.
Ngày : 22,29/11/2019
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.***

Các Thẩm phán : ***Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh***

Bà Ngô Tuyết Băng

T*hư ký Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội ghi phiên toà :* ***Bà Lê Thị Giang***

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội****: Bà Nguyễn thị Hoa - KSV***

Ngày 22,29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 59/2019/TLPT - KDTM ngày 1 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/ KDTM – ST ngày 7 tháng 1 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hai bà Trưng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 465/2019/QĐPT – KDTM ngày 1 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần V** (viết tắt là Ngân hàng V); Trụ sở: Số 34A- phố H , Quận H , TP.Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phương Hữu V – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Phó Giám đốc khối quản trị rủi ro (Giấy ủy quyền số 71/2019/GUQ-CTHĐQT ngày 13/5/2019)

Bị đơn**: Công ty TNHH một thành viên Thương mại M** (viết tắt là Công ty M); Trụ sở: Tầng 3, số 242H phố M i, phường M i, quận H , Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thùy M – Chức vụ: Giám đốc;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- **Ông Đ**– Sinh năm: 1939; Địa chỉ hiện tại: Số 01 Đường T , phường M i, quận S , TP.Đà Nẵng.

- Ông Nguyễn Đỗ Vũ A – Sinh năm: 1977; Trú tại: Số 46A, Tổ 12 (số mới là số 7/39/2/121 K), phường T , quận H , Hà Nội.

- Bà Phạm Thị Kim Á ; Trú tại: Số 86 phố Q , phường Trần Hưng Đ, quận H , Hà Nội.

Ông H có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án. Ông Vũ A , bà T , bà M có mặt. Ông Đ có mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2013, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP Vtrình bày:

Ngày 26/8/2011, Ngân hàng V – Chi nhánh Hà Nội và Công ty M do Bà Phạm Thùy M là đại diện, đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM, theo đó, Ngân hàng V cho Công ty M vay vốn, cụ thể: Hạn mức cho vay: Số tiền 2.000.000.000 VNĐ (Hai tỷ đồng chẵn); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động của Công ty M ; Thời hạn cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ (tối đa không vượt quá 12 tháng, kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên); Lãi suất cho vay: Theo quy định của VAB tại thời điểm nhận nợ.

Ngày 26/8/2011, ông Đvà ông Nguyễn Đỗ Vũ A đã dùng Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng 55,70m^2 đất ở, thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 6I-III-17, tọa lạc tại địa chỉ: 46A tổ 12A, phường T , quận H , thành phố Hà Nội; Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 10107193885; Hồ sơ gốc số: 130.2004.QĐUB246.2004 do UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/09/2004 cho ông Nguyễn Huy Đ , Đăng ký sang tên tại UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 20/07/2009 cho ông Đvà ông Nguyễn Đỗ Vũ A thế chấp cho Ngân hàng V – Chi nhánh Hà Nội để bảo lãnh cho Công ty M vay vốn tại Ngân hàng (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 6327.2010/HĐTC ngày 19/8/2010 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 5613.2011/PLHĐTC ngày 26/8/2011).

Ngày 26/8/2011, Công ty M đã được Ngân hàng V – Chi nhánh Hà Nội giải ngân số tiền là: 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng) theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 24/8/2011, Hợp đồng tín dụng hạn mức số:100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 và Giấy nhận nợ số 001/GNNHM ngày 26/08/2011. Cụ thể như sau: Hạn mức cho vay:

2.000.000.000 (Hai tỷ đồng); Lãi suất vay: 1,95%/tháng; Thời hạn cho vay: Kể từ ngày 26/8/2011 đến ngày 26/8/2012.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty M đã trả được: 253.175.164 đồng tiền lãi cho Ngân hàng V . Đến ngày 26/8/2012, Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/8/2011 hết hạn. Mặc dù đã được bên Ngân hàng nhắc nhở và thông báo bằng văn bản rất nhiều lần nhưng Công ty M không thanh toán nợ vay như đã cam kết. Vì vậy, Ngân hàng V đã khởi kiện Công ty M cùng người bảo lãnh là ông Đvà ông Nguyễn Đỗ Vũ A để thu hồi nợ vay theo quy định của pháp luật.

* Tính đến ngày 28/10/2013 (thời điểm lập đơn khởi kiện), Công ty M còn nợ Ngân hàng TMCP V– Chi nhánh Hà Nội số tiền như sau: Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 212.333.333 đồng; Lãi phạt chậm trả: 89.412.939 đồng; Lãi quá hạn: 710.666.667 đồng; Tổng cộng: 3.012.412.939 đồng.

Nay, Ngân hàng V đề nghị Tòa án Nhân dân quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội giải quyết như sau:

- Buộc bị đơn là Công ty M thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/8/2011 và Giấy nhận nợ số 001/GNNHM ngày 26/8/2011 gồm: Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 212.333.333 đồng; Lãi phạt chậm trả: 395.562.216 đồng; Lãi quá hạn: 3.594.333.333 đồng; Tổng cộng: 6.202.228.883 đồng (Tính đến ngày 28/5/2018)

- Tiếp tục tính lãi vay kể từ ngày 29/5/2018 (theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ hoặc các văn bản điều chỉnh lãi suất cho vay) cho đến khi thu hồi hết khoản nợ.

- Phát mại Quyền sở hữu ngôi nhà và quyền sử dụng 55,70m^2 đất ở, thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 6I-III-17, tọa lạc tại địa chỉ: 46A tổ 12A, phường T , quận H , thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp nêu trên (trong trường hợp nếu Công ty M không trả được nợ).

- Nếu việc phát mại tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng V , thì Công ty M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số nợ còn lại.

Tại Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V ngày 04/10/2018: Ngân hàng V yêu cầu Công ty M phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng

V theo Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010, Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 001/076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011 và Giấy nhận nợ số 001/GNNHM ngày 26/8/2011 (tính đến ngày 15/10/2013) .

Tại văn bản ý kiến của Ngân hàng V ngày 31/10/2018 xác định: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011 và Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 001/076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011 là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng V rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty M phải thanh toán số tiền lãi phạt chậm trả tính đến hết ngày 27/12/2018 là: 433.830.876 đồng và số tiền lãi phạt chậm trả phát sinh kể từ ngày 28/12/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Cụ thể: Ngân hàng V yêu cầu Công ty M phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V theo Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010, Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 001/076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011 và Giấy nhận nợ số 001/GNNHM ngày 26/8/2011 (tính đến ngày 27/12/2018) số tiền: Nợ gốc là: 2.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là: 212.333.333 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 3.954.791.667 đồng. Tổng cộng là: 6.167.125.000 đồng.

Tại Bản tự khai ngày 11/11/2014, Công ty M do Bà Phạm Thùy M – Giám đốc Công ty trình bày:

Công ty M được đăng ký thay đổi bốn lần, lần cuối cùng là vào năm 2012, có trụ sở chính tại 242H M , H , Hà Nội. Với ngành nghề kinh doanh chính là dịch vụ du lịch, tổ chức sự kiện. Người đại diện theo pháp luật là Phạm Thùy Mai, địa chỉ 86 Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội được ghi nhận trong điều lệ Công ty. Công ty M có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V vào ngày 19/8/2009, năm 2010 và ngày 26/8/2011 với số tiền vay là 02 tỉ đồng, mục đích vay đầu tư kinh doanh, thời hạn 01 năm với lãi suất thay đổi do Ngân hàng thông báo hàng tháng, khởi điểm Ngân hàng tính lãi suất là 1,95%/tháng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là của ông Đvà ông Nguyễn Đỗ Vũ A tại địa chỉ số 46A Tổ 12 phường T , H , Hà Nội – chủ sở hữu tài sản.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã trả được 253.175.164 đồng, hiện còn nợ số tiền gốc 02 tỉ đồng và số tiền lãi kể từ ngày 29/03/2012. Do tình hình

kinh tế khó khăn, khách hàng nợ lâu, khó đòi làm ăn thua lỗ, nên Công ty M đã không tiếp tục thực hiện được Hợp đồng, cộng với mức lãi suất cao, rồi tình trạng sức khỏe của bản thân đại diện Công ty ốm yếu nên gặp khó khăn giải quyết.

Với các yêu cầu của Ngân hàng V , Công ty có nguyện vọng:

+ Xem xét giảm lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn của số tiền vay. Thời điểm ký Hợp đồng tín dụng đầu tiên lãi suất vay là khoảng 10,24%/năm và đến sau đó một năm đã lên tới trên 22%/năm, cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho Công ty không có sức vực tình hình kinh doanh dậy.

+ Xem xét miễn giảm lãi suất quá hạn năm 2014-2015 do đại diện Công ty ở xa, không có khả năng trực tiếp kiến nghị, trình bày và tiếp xúc thường xuyên với cán bộ Ngân hàng để tháo gỡ, giải quyết vấn đề sớm.

Ngày 20/11/2015, Công ty M do Bà Phạm Thùy M – Giám đốc là đại diện theo pháp luật có Đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án.

Bà Phạm Thị Kim Á – chủ sở hữu Công ty M trình bày:

Bà Phạm Thùy M là con đẻ của bà Á . Bà Á có 01 tỷ đồng, bà M muốn kinh doanh làm ăn nên bàn với bà Á thành lập Công ty M vốn điều lệ là 01 tỷ đồng, bà Á đứng tên chủ sở hữu và bổ nhiệm bà M làm Giám đốc. Thực tế mọi việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, ký kết Hợp đồng đều do bà M thực hiện, điều này đã được quy định tại Điều lệ của Công ty. Việc Công ty M vay vốn Ngân hàng V bà Á không nắm được, vì bà Á đã giao cho bà M điều hành và quyết định. Từ khi thành lập Công ty, bà Á không được hưởng lợi nhuận của Công ty chỉ là chủ sở hữu chỉ trên danh nghĩa, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty là do bà M điều hành quyết định. Việc Ngân hàng V khởi kiện đòi tiền Công ty M thì bà Á đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật. Vì tuổi cao sức yếu, bà Á đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án và tại các phiên tòa xét xử, Toà án không cần gửi các văn bản, quyết định của Tòa án. Bà Á cũng không có tài liệu gì cung cấp cho Tòa án.

Ông Nguyễn Đỗ Vũ A trình bày:

Ông Vũ A cùng bố đẻ là ông Đcó dùng tài sản là ngôi nhà số 46A Tổ 12 phường T , quận H , Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10107193885 hồ sơ gốc số 130.2004.QĐUB 246.2004 do UBND quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/09/2004 cho ông Nguyễn Huy Đ , đăng ký sang

tên tại UBND quận Hai Bà Trưng, Hà Nội ngày 20/7/2009 cho ông Đvà anh Nguyễn Đỗ Vũ A để thế chấp cho Ngân hàng V đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010.

Ngày 26/8/2011 Công ty M vay của Ngân hàng V - Chi nhánh Hà Nội số tiền 02 tỷ đồng theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 24/8/2011 và Giấy nhận nợ số 001/GNNHM ngày 26/8/2011.

Kể từ đầu năm 2012 bà M đã chuyển vào Sài Gòn công tác, Ông Vũ A đã nhiều lần liên lạc để bà M có phương án giải quyết số nợ cho Ngân hàng V nhưng đều bất hợp tác, Ông Vũ A đề nghị Tòa án quận Hai Bà Trưng xử lý thật nghiêm minh đúng theo quy định hiện hành của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho Ông Vũ A , Ông Đ là chủ sở hữu ngôi nhà số 46A Tổ 12 phường T , quận H , Hà Nội.

Ông Đtrình bày:

Qua con trai là ông Nguyễn Đỗ Vũ A , Ông Đ mới biết Bà Phạm Thùy M là Giám đốc Công ty M kinh doanh du lịch. Ông Đ tin lời con trai nói nếu có vốn để góp vào với bà M thì bà M phong cho chức danh Phó giám đốc Công ty M phụ trách địa bàn Miền Bắc. Vì thương con Ông Đ đồng ý mang sổ đỏ nhà số 46A Tổ 12A phường T , quận H , Hà Nội đứng tên Ông Đ và con trai là Nguyễn Đỗ Vũ A để thế chấp cho Ngân hàng V vay tiền. Việc kinh doanh của Vũ Anh và bà M như thế nào ông không được biết. Nay Ngân hàng V kiện đòi nợ Công ty M với số tiền cả gốc và lãi, Ông Đ đề nghị Tòa án xem giải quyết theo pháp luật. Ông Đ đề nghị Tòa án quận Hai Bà Trưng khẩn trương đưa vụ án này ra xét xử theo quy định của pháp luật vì vụ án đã kéo dài quá lâu, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông Đ .

Ngày 23/11/2015, TAND quận Hai Bà Trưng nhận được Đơn tố cáo của ông Đvà ông Nguyễn Đỗ Vũ A gửi Công an quận Hai Bà Trưng – TP.Hà Nội, Công an quận Hoàn Kiếm – TP.Hà Nội, Công an Quận 10 – TP.Hồ Chí Minh, tố cáo hành vi lừa đảo của Bà Phạm Thùy M đã lừa Ông Đ và Ông Vũ A cho mượn sổ đỏ nhà 46A Tổ 12A phường T , quận H , Hà Nội để thế chấp vay tiền ở Ngân hàng V .

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/ KDTM – ST ngày 7 tháng 1 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hai bà Trưng đã quyết định như sau :

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với Công ty TNHH Một thành viên M .

2. Buộc Công ty TNHH Một thành viên M phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ tính đến ngày 27/12/2018 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/8/2011, Giấy nhận nợ số 001/GNNHM ngày 26/8/2011, cụ thể:

- Nợ gốc là: 2.000.000.000 (*Hai tỷ*) đồng

- Nợ lãi trong hạn là: 212.333.333 (*Hai trăm mười hai triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba*) đồng

- Nợ lãi quá hạn là: 3.954.791.667 (*Ba tỷ, chín trăm năm mươi bốn triệu, bảy trăm chín mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy*) đồng

Tổng cộng là 6.167.125.000 (*Sáu tỷ, một trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày 28/12/2018 Công ty TNHH Một thành viên M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại Thương mại cổ phần Việt Á.

3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với việc kê biên phát mại tài sản bảo đảm khi Công ty TNHH Một thành viên M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 142; tờ bản đồ số 6I-III-17 tại số 46A Tổ 12A, phường T , quận H , Hà Nội, diện tích 55,7m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107193885; hồ sơ gốc số: 130.2004.QĐUB 246.2004 do UBND quận Hai Bà Trưng, cấp ngày 20/9/2004 đứng tên ông Nguyễn Huy Đ , đăng ký sang tên tại UBND quận Hai Bà Trưng ngày 20/7/2009 đứng tên ông Đvà ông Nguyễn Đỗ Vũ A theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 6327.2010.TC ngày 19/8/2010 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 5613/2011/PLHĐTC ngày 26/8/2011 được công chứng tại Phòng Công chứng số 6 Hà Nội, ký giữa ba bên là ông Nguyễn Huy Đ , ông Nguyễn Đỗ Vũ A , Công ty M do Bà Phạm Thùy M – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty là đại diện và Ngân hàng V – Chi nhánh Hà Nội do ông Võ Thành P – Giám đốc chi nhánh là đại diện; Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký Đất và nhà quận H , Hà Nội ngày 23/8/2010.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- **Sau khi xét xử sơ thẩm** :

- Ngày 17/1/2019 Ngân hàng V kháng cáo toàn bộ bản án , đề nghị huỷ bản án sơ thẩm vì đánh giá chứng cứ chưa đúng ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng.

- Ngày 21/1/2019 Viện kiểm sát nhân dân quận Hai bà Trưng có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-KNPT – VKS với nội dung :

" Về mức lãi suất quá hạn lãi suất quá hạn cao hơn so với quy định của Ngân hàng nhà nước là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Cty Mia đã trả cho ngân hàng số tiền 253.175.164đ, ngân hàng đã trừ vào tiền lãi là không đúng .

- Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm của nguyên đơn là chưa phù hợp và không đúng bản chất vụ việc. Do vậy đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng trên."

Tại phiên tòa phúc thẩm :

- *Nguyên đơn trình bày***:** Theo hồ sơ lưu giữ hiện nay tại Ngân hàng V không có Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 001/076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011.Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010 đã được Ngân hàng V tất toán về 0, tuy nhiên đó chỉ là bút toán để tất toán trên sổ sách, thực tế Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011 là Hợp đồng đáo nợ của Hợp đồng cấp tín dụng số HĐHM số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011 do Ông Đ cung cấp chỉ có chữ ký và dấu của Ngân hàng V là do Ngân hàng V ký , đóng dấu trước vào Hợp đồng sau đó chuyển cho Bên vay và Bên thế chấp ký vào Hợp đồng sau đó các bên chuyển lại cho Ngân hàng V . Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011 do Ngân hàng V cung cấp có đầy đủ chữ ký của các bên. Sau khi các bên ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011, Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/8/2011, Ngân hàng V không đăng ký lại giao dịch đảm bảo.

Về lãi suất : Ngân hàng V nộp cho Toà án Quyết định điều chỉnh lãi suất năm 2011,2012, vì kể từ ngày 26/8/2012 toàn bộ khoản nợ chuyển sang quá hạn nên lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất theo Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ, do vậy kể từ 26/8/2012 Ngân hàng yêu cầu Công ty M trả lãi suất quá hạn là 150% của 20,5%.

Ngân hàng V đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp .

Trong quá trình xét xử, Ngân hàng V cung cấp cho Toà án các tài liệu thể hiện : Ngày 17/8/2015 Ngân hàng V và VAMC đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 14335/2015/MBN.VAMC2-VAB với nội dung : " *Ngân hàng V bán toàn bộ khoản nợ Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010 và phụ lục số Khách hàng vay : Công ty M cho VAMC* ". Ngày 17/8/2015 Ngân hàng V và VAMC đã ký Hợp đồng ủy quyền số 14336/2015/UQ.VAMC2-VAB với nội dung : " *VAMC ủy quyền cho Ngân hàng V thay mặt VAMC thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của VAMC liên quan đến khách hàng và khoản nợ tại Hợp đồng mua bán nợ số 14335/2015/MBN.VAMC2-VAB*".

Công ty M do bà Phạm Thuỳ Mai đại diện trình bày : Công ty M và Ngân hàng V có quan hệ vay tín dụng từ năm 2009. Do thời gian đã lâu bà M không nhớ việc vay nợ, giải ngân cụ thể như thế nào. Công ty M xác nhận còn nợ Ngân hàng V số nợ gốc 2.000.000.000đ và nợ lãi từ năm 2011 đến nay chưa trả được , do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Công ty M đề nghị Ngân hàng V giảm lãi để Công ty có kế hoạch trả nợ lâu dài.

Ông Vũ Anh, bà T thống nhất trình bày : Ông Đ và Ông Vũ A có ký kết Hợp đồng thế chấp ngày 19/8/2010 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/8/2011 với nội dung thế chấp nhà đất tại số 46A Tổ 12A, phường T , quận H , Hà Nội để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010. Do Hợp đồng tín dụng nêu trên đã tất toán nên trách nhiệm bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp ngày 19/8/2010 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/8/2011 đã chấm dứt, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng V . Hợp đồng tín dụng số 100/11/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011 mà Ông Đ và Ông Vũ A nộp cho Tòa án là do bà M đưa cho ông Vũ Anh. Do ông Đ , Ông Vũ A khÔng Đ ý với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011 nên không ký vào Hợp đồng nêu trên , do vậy không phát sinh nghĩa vụ của Ông Đ , Ông Vũ A đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, theo yêu cầu của Ông Vũ A và ông Đ , Toà án đã tiến hành trưng cầu giám định đối với Hợp đồng cấp tín dụng số

076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011.

Tại Kết luận giám định số 268/C09-P5 ngày 21/11/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an có nội dung:

"- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 gồm 9 trang chỉ có hình dấu, chữ ký dưới mục " BÊN CHO VAY", ký hiệu A1.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 gồm 9 trang có hình dấu, chữ ký dưới mục " BÊN CHO VAY", "BÊN VAY" ký hiệu A2.

- Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010 gồm 04 trang, ký hiệu A3.

Kết luận về đối tượng giám định :

– Mẫu cần giám định ký hiệu A1 không bị thay trang.

– Mẫu cần giám định ký hiệu A2 đã bị thay các trang từ 1 đến 8."

– Hình dấu giáp lai Chi nhánh Hà Nội – Ngân hàng thương mại cổ phần V thứ hai từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 và trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có nội dung "CHI NHÁNH HÀ NỘI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN V " ở trang 9 của các mẫu cần giám định ký hiệu A1,A2 do cùng 1 con dấu đóng ra.

– Hình dấu giáp lai trên mẫu cần giám định ký hiệu A1,A2 so với hình dấu tròn có nội dung " CHI NHÁNH HÀ NỘI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN V " ở trang 4 của các mẫu cần giám định ký hiệu A3 không phải do cùng 1 con dấu đóng ra.

– Không đủ cơ sở kết luận mẫu cần giám định ký hiệu A3 có bị thay trang hay không.

– Không đủ cơ sở kết luận các hình dấu giáp lai thứ nhất tính từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với hình dấu tròn có nội dung " CHI NHÁNH HÀ NỘI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN V " ở trang 9 của các mẫu cần giám định ký hiệu A1,A2 có phải do cùng 1 con dấu đóng ra hay không .

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình xét xử, Ngân hàng V cung cấp cho Toà án các tài liệu thể hiện : Ngày 17/8/2015 Ngân hàng V và VAMC đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 14335/2015/MBN.VAMC2-VAB với nội dung : " *Ngân hàng V bán toàn bộ khoản nợ Hợp đồng tín dụng số HĐHM số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010 và phụ lục số Khách hàng vay : Công ty M cho VAMC* ". Thấy rằng tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ Ngân hàng V đều khởi kiện yêu cầu Công ty M trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011. Hợp đồng mua bán nợ thể hiện Ngân hàng V bán cho VAMC khoản nợ của Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010. Do vậy căn cứ vào Đơn khởi kiện thì Ngân hàng V đòi khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 do vậy Ngân hàng V vẫn là nguyên đơn trong vụ án.

Về nội dung:

Thứ nhất: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất quá hạn với mức là 30.75%/năm là trái với Quyết định 1627/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng nhà nước, Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Thông tư số 39 ngày 30/12/2016. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100 ngày 26/8/2011, giấy nhận nợ thể hiện các bên thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ, nhưng cấp sơ thẩm chưa yêu cầu nguyên đơn cung cấp đầy đủ các văn bản thay đổi lãi suất theo từng thời kỳ mà đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất quá hạn cao hơn so với quy định của Ngân hàng nhà nước là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Thứ 2: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Cty MIA đã trả cho ngân hàng số tiền 253.175.164đ, ngân hàng đã trừ vào tiền lãi là không đúng theo qui định tại khoản 4 Điều 18 qui định về trả nợ gốc và lãi tiền vay theo Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 qui định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Thứ ba: Kết luận giám định số 268/C09-P5 ngày 21/11/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận :

" Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 do Ngân hàng nộp đã bị thay các trang từ 1 đến 8". Tại phiên tòa Ông Vũ A và Ông Đ

khẳng định không ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 do Ngân hàng V nộp bị thay trang thể hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 có sự gian dối nên không phát sinh trách nhiệm bảo đảm của bên thế chấp , do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn là phù hợp với pháp luật, do vậy căn cứ vào tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội rút một phần kháng nghị về xử lý tài sản bảo đảm, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận 1 phần kháng nghị , không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn , sửa bản án sơ thẩm về lãi suất quá hạn và không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- **Về thủ tục tố tụng** : Đơn kháng cáo của Ngân hàng V trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-KNPT – VKS ngày 21/1/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hai bà Trưng được ban hành theo đúng các quy định tại điều 278,279,280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng V xuất trình cho Tòa án Hợp đồng mua bán nợ số 14335/2015/MBN.VAMC2-VAB, Hợp đồng ủy quyền số 14336/2015/UQ.VAMC2 - VAB ngày 17/8/2015, thấy rằng các Hợp đồng nêu trên được ký kết và có hiệu lực từ 2015 nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đến tại phiên tòa xét xử phúc thẩm Ngân hàng V mới xuất trình cho Tòa án là vi phạm nghĩa vụ chứng minh, nghĩa vụ giao nộp chứng cứ theo điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự , gây khó khăn cho Tòa án, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của các đương sự khác trong vụ án.

Tại Đơn khởi kiện số 1051/ĐKK-CNHN/13 ngày 21/10/2013 (BL 93), các bản tự khai ngày 7/5/2014 (BL 174), 27/7/2015 (BL 222), 10/9/2015 (BL 245), 30/5/2018 (BL 353) và các Biên bản hòa giải tại Tòa án cấp sơ thẩm, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Công ty M trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM

ngày 26/08/2011, và giấy nhận nợ ngày 26/8/2011 với khoản nợ gốc 2.000.000.000đ. Ngày 4/10/2018 Ngân hàng V bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung : yêu cầu Công ty M trả nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010, Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 001/076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/08/2011, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 và giấy nhận nợ ngày 26/8/2011 với khoản nợ gốc 2.000.000.000đ và cho rằng các Hợp đồng nêu trên có liên quan đến nhau.

Thấy rằng trong các Thông báo số 29/4.10.2013 (BL 21), 31.7.2012 (BL 22) , 12/5/2012 (BL 23), 2.4.2013(BL 24), Biên bản làm việc ngày 2/4/2013 (BL19) của Ngân hàng V với Công ty M , tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng V luôn luôn yêu cầu Công ty M trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011,Giấy nhận nợ ngày 26/8/2011 đối với khoản nợ gốc 2.000.000.000đ được giải ngân ngày 26/8/2011. Căn cứ Giấy nhận nợ ngày 26/8/2011, Giấy chấp thuận giải ngân ngày 26/8/2011 đều thể hiện : " *Dư nợ hiện tại : 0 đồng. Chấp thuận giải ngân lần này 2.000.000.000đ . Trong đó Chuyển khoản : 557.590.000đ số tài khoản 5003000023329000 tại Ngân hàng V – Chi nhánh Hà Nội, Tên tài khoản Phan Trọng Phú. Chuyển khoản : 337.583.600 số tài khoản 14023879295011 tại Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Lò Đúc, Tên tài khoản Bùi Minh Huyền. Chuyển khoản : 150.000.000đ số tài khoản 3345000004909000 tại Ngân hàng V – PGD Quận 10 - Chi nhánh Sài Gòn, Tên tài khoản Phạm Tấn Minh. Chuyển khoản : 241.200đ số tài khoản 0071002411070 tại Ngân hàng Vietcombnk TP Hồ chí Minh , Tên tài khoản Công ty Bảo Minh Bến Thành. Bằng tiền mặt : 954.585.200đ – Người nhận tiền Phạm Thùy Mai* " đủ cơ sở xác định Ngân hàng V giải ngân cho Công ty M vay 2.000.000.000đ vào ngày 26/8/2011, do vậy việc Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Công ty M trả khoản nợ gốc 2.000.000.000đ được giải ngân theo Giấy nhận nợ ngày 26/8/2011 và toàn bộ lãi phát sinh là có căn cứ để chấp nhận. Ngân hàng V cho rằng Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 là đáo nợ nhưng không có chứng minh, nên không được chấp nhận.

Ngày 17/8/2015, Ngân hàng V và Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam(gọi tắt VAMC) đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 14335/2015/MBN.VAMC2-VAB với nội dung: " *Ngân hàng V bán toàn bộ khoản nợ Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010 và phụ lục*

số.Khách hàng vay : Công ty M cho VAMC ". Theo Hợp đồng mua bán nợ nêu trên thì VAMC là chủ khoản nợ của Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010, Phụ lục 001/076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011. Thấy rằng khi hai bên ký kết Hợp đồng mua bán nợ thì Ngân hàng V đã khởi kiện và Tòa án nhân dân quận Hai bà Trưng đang thụ lý giải quyết (thụ lý ngày 2/4/2013), tại Hợp đồng mua bán nợ nêu trên không thể hiện Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010, Phụ lục 001/076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 và Giấy nhận nợ ngày 26/8/2011 có liên quan đến nhau, do vậy việc Ngân hàng V đến tận tháng 10/2018 (sau 5 năm khởi kiện) và khi Toà án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử mới nại ra việc các Hợp đồng nêu trên có liên quan đến nhau là không có căn cứ để chấp nhận. Tại Đơn bổ sung đơn khởi kiện, Ngân hàng V chỉ cho rằng các hợp đồng tín dụng nêu trên có liên quan đến nhau, chứ không khởi kiện độc lập đối với Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010, vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện là khoản nợ gốc 2.000.000.000đ.

Như phân tích ở trên đủ cơ sở xác định Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Công ty M đòi số nợ gốc 2.000.000.000đ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 và Giấy nhận nợ ngày 26/8/2011 do vậy Ngân hàng V là nguyên đơn trong vụ án.

- Về nội dung:

* Về nợ gốc : Căn cứ vào lời thừa nhận của Ngân hàng V , Công ty M tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ và những phân tích trên xác định Công ty M nợ Ngân hàng V số nợ gốc là 2.000.000.000đ, Toà án cấp sơ thẩm buộc Công ty M phải trả cho Ngân hàng V số nợ gốc 2.000.000.000đ , các đương sự không kháng cáo, nên phần này có hiệu lực pháp luật.

*Về nợ lãi :

- Xét thấy tại thời điểm hai bên ký Giấy nhận nợ ngày 26/8/2011,hai bên thoả thuận lãi suất cho vay 1,95%/tháng, Lãi suất vay sẽ được điều chỉnh; thời điểm điều chỉnh lãi suất vay do Ngân hàng V quyết định thông báo cho bên vay bằng văn bản,Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm khoản vay chuyển sang quá hạn, thấy rằng sự thỏa thuận trên là phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng , Bộ luật dân sự 2005, Thông tư 12/2010/TTNHNN ngày 14/4/2010 của Ngân

hàng Nhà nước. Tuy nhiên từ năm 2012 Ngân hàng Nhà nước có quyết định điều chỉnh lãi suất nhằm thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính Phủ về việc ổn định kinh tế vĩ mô, các Ngân hàng buộc phải tuân thủ thực hiện, do vậy mức lãi suất cho vay của Ngân hàng V cũng buộc phải thay đổi theo điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng nhà nước từng thời điểm. Việc Ngân hàng V yêu cầu tính lãi suất quá hạn theo mức lãi suất 150% x 20,5% = 30,75% từ tháng 8/2012 đến khi xét xử sơ thẩm là không đúng , do vậy chấp nhận 1 phần kháng nghị về việc xác định lại lãi suất quá hạn.

Theo quy định tại thông tư số 20/2012 ngày 8/6/2012 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 14/2012/TT-NHNN ngày 04/5/2012 quy định lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng tối đa là 13%/năm, Thông tư số 33/2012/TT-NHNN ngày 21/12/2012;Thông tư số 09/2013/TT-NHNN ngày 25/3/2013;Thông tư số 10/2013/TT-NHMM ngày 10/5/2013; Thông tư số 16/2013/TT-NHNN ngày 27/6/2013; Thông tư số 08/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014; Quyết định số 499/QĐ-NHNN ngày 17/3/2014; Quyết định số 2174/QĐ-NHNN ngày 28/10/2014; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017, mức lãi suất thay đổi giảm dần từ 12%/năm xuống 6,5%/năm. Áp dụng mức lãi suất theo các văn bản này thì bị đơn phải chịu số tiền lãi quá hạn là 1.508.708.334 đồng

* *Xử lý tài sản thế chấp* :

- Về Hợp đồng cấp tín dụng 076/10/VAB-HN/HĐHM : Ngày 19/8/2010 Ngân hàng V – Chi nhánh Hà Nội do ông Võ Thành P – Giám đốc Chi nhánh đại diện và Công ty M do Bà Phạm Thùy M – đại diện , ông Nguyễn Huy Đ , ông Nguyễn Đỗ Vũ A cùng ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 076/10/VAB-HN/HĐHM ngày 19/8/2010 là phù hợp pháp luật.

- Về Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 001/076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/08/2011: Ông Đ, ông Nguyễn Đỗ Vũ A cung cấp cho Tòa án bản photo và khẳng định không có bản chính. Ngân hàng V trình bày trong hồ sơ lưu của Ngân hàng không có Phụ lục Hợp đồng nêu trên. Khoản 1 điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự quy định " *Tài liệu đọc được nội dung được xác định là chứng cứ nếu là bản chính, bản sao được công chứng , chứng thực*.."Thấy rằng các đương sự không có bản chính để nộp cho Toà án, chỉ là bản photo, các bên không thừa nhận có văn bản nêu trên, nên không đủ căn cứ để xác định là chứng cứ.

- Về Hợp đồng thế chấp: Ngân hàng V – Chi nhánh Hà Nội do ông Võ Thành P – Giám đốc Chi nhánh đại diện và Công ty M do Bà Phạm Thùy M – đại diện , ông Nguyễn Huy Đ , ông Nguyễn Đỗ Vũ A cùng ký kết Hợp đồng thế chấp số 6327.2010/HĐTC ngày 19/8/2010, Phụ Hợp đồng thế chấp số CC 5613 ngày 26/8/2011, thấy rằng, các bên ký kết các hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, được công chứng tại phòng công chứng và Hợp đồng thế chấp số 6327.2010/HĐTC ngày 19/8/2010 đã đăng ký giao dịch đảm bảo là phù hợp với các quy định tại điều 343,715 Bộ luật dân sự 2005.

- Nội dung Hợp đồng thế chấp, Phụ lục Hợp đồng thế chấp thể hiện : ông Nguyễn Huy Đ , ông Nguyễn Đỗ Vũ A dùng tài sản của mình là quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất tại 46A tổ 12 phường T , quận H , Hà Nội thế chấp cho Ngân hàng V để đảm bảo cho khoản vay của Công ty M theo Hợp đồng tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 001/076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011. Tuy nhiên như đã phân tích ở trên các bên không chứng minh được các bên có giao kết Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 001/076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011, nên không có cơ sở để xem việc thế chấp liên quan đến Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 001/076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 26/8/2011.

Khoản 1 Điều 342 Bộ luật dân sự 2005 quy định : " *Thế chấp tài sản là việc một bên dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với bên kia* " Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp số 6327.2010/HĐTC ngày 19/8/2010 đủ cơ sở xác định Bên thế chấp là Ông Đ và Ông Vũ A dùng quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất tại 46A tổ 12 phường T , quận H , Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của Công ty M theo Hợp đồng tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010.

Ông Đ , anh Vũ Anh xuất trình cho Toà án tài liệu RPTLN118 : Bảng theo dõi khách hàng vay của Ngân hàng V – CN Hà Nội – Mã chi nhánh 500 đến ngày 10/7/2019 thể hiện : " *Tài khoản vay 5001001VND 000051- số Hợp đồng 350-076/TM/10T – Ngày 19/9/2010 giải ngân 1.200.000.000đ….Ngày 25/8/2011 Thu vốn + tất toán HDTD076/10/VAB/HDHM ..thu nợ vốn 1.200.000.000đ . Dư nợ 0* " . Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng V thừa nhận Bảng theo dõi khách hàng vay nêu trên do Ông Vũ A nộp đúng là dữ liệu của Ngân hàng V , hiện nay trên hệ thống của Ngân hàng V thể hiện Hợp đồng cấp tín dụng 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010 đã được tất toán ngày 25/8/2011. Căn cứ vào Giấy nhận nợ, Giấy chấp thuận

giải ngân ngày 26/8/2011 thể hiện Ngân hàng V giải ngân cho Công ty M số tiền 2.000.000.000đ vào ngày 26/8/2011, do vậy đủ cơ sở kết luận Hợp đồng cấp tín dụng 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010 đã được tất toán vào ngày 25/8/2011, ngày 26/8/2011 Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty M vay 2.000.000.00đ như phân tích ở trên, như vậy ngày 26/8/2011 giữa Ngân hàng V và Công ty M phát sinh một quan hệ tín dụng khác không liên quan đến Hợp đồng cấp tín dụng 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010. Thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã 2 lần yêu cầu Ngân hàng V phải nộp các tài liệu chứng cứ liên quan đến giải ngân, thanh quyết toán Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010, nhưng Ngân hàng không nộp, do vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời thừa nhận của Ngân hàng V tại Tòa án để giải quyết vụ án và Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về nghĩa vụ chứng minh của mình. Thấy rằng , ông Đ , Ông Vũ A ký Hợp đồng thế chấp số 6327.2010/HĐTC ngày 19/8/2010, phụ lục Hợp đồng thế chấp với nội dung dùng tài sản là nhà đất tại 46A tổ 12 A phường Thanh Lương đứng tên Ông Đ và Ông Vũ A để đảm bảo cho khoản vay của Công ty M theo Hợp đồng tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010, tuy nhiên Hợp đồng tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010 đã được tất toán vào ngày 25/8/2011, do vậy căn cứ khoản 1 điều 357 Bộ luật dân sự nghĩa vụ bảo đảm được chấm dứt , việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Tại Tòa án Ông Đ , Ông Vũ A yêu cầu Ngân hàng V phải xóa đăng ký giao dịch đảm bảo và trả lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107193885; hồ sơ gốc số: 130.2004.QĐUB 246.2004 do UBND quận Hai Bà Trưng, cấp ngày 20/9/2004 đứng tên ông Nguyễn Huy Đ , đăng ký sang tên tại UBND quận Hai Bà Trưng ngày 20/7/2009 đứng tên ông Nguyễn Huy Đ , ông Nguyễn Đỗ Vũ A cho người thế chấp là phù hợp khoản 1,2 điều 350 ,khoản 5 điều 718 Bộ luật dân sự, nên chấp nhận.

- Về Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011: Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, Ngân hàng V cung cấp cho Toà án Bản chính Hợp đồng nêu trên có chữ ký đóng dấu của Ngân hàng V , Công ty M do Bà Phạm Thùy M – đại diện, ông Nguyễn Huy Đ , ông Nguyễn Đỗ Vũ A . Ông Nguyễn Huy Đ , ông Nguyễn Đỗ Vũ A cung cấp cho Toà án Bản chính Hợp đồng nêu trên chỉ

có duy nhất chữ ký và dấu của Ngân hàng V . Ông Đ, ông Nguyễn Đỗ Vũ A trình bày do khÔng Đ ý với Hợp đồng nêu trên nên đã không ký .

Tại Kết luận giám định số 268/C09-P5 ngày 21/11/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an có nội dung :

"- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 gồm 9 trang chỉ có hình dấu, chữ ký dưới mục " BÊN CHO VAY", ký hiệu A1.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 gồm 9 trang có hình dấu, chữ ký dưới mục " BÊN CHO VAY", "BÊN VAY" ký hiệu A2.

- Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010 gồm 04 trang, ký hiệu A3.

Kết luận về đối tượng giám định :

– Mẫu cần giám định ký hiệu A1 không bị thay trang.

– Mẫu cần giám định ký hiệu A2 đã bị thay các trang từ 1 đến 8."

– Không đủ cơ sở kết luận mẫu cần giám định ký hiệu A3 có bị thay trang hay không.

Như vậy, căn cứ vào kết luận giám định nêu trên thể hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 do Ngân hàng V nộp bị thay trang từ trang 1 – 8 , thể hiện sự gian dối, nên không phát sinh hiệu lực và không được coi là chứng cứ hợp pháp khi giải quyết vụ án . Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 do ông Đ, Nguyễn Đỗ Vũ A nộp không bị thay trang , nhưng không có chữ ký của Ông Đ , Ông Vũ A . Ông Đ , Ông Vũ A xác nhận không thoả thuận và không ký kết Hợp đồng nêu trên, Ngân hàng V không chứng minh được ông Đ , Ông Vũ A đã ký vào Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011, do vậy không có cơ sở xác định ông Đ , anh Vũ Anh ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011. Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng V thừa nhận việc Ngân hàng V ký đóng dấu trước Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 sau đó chuyển cho bên vay và bên thế chấp ký , sau đó các bên chuyển lại cho Ngân hàng V , do vậy đủ cơ sở khẳng định việc ông Đ , Ông Vũ A không có mặt tại Ngân hàng V để ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 và cũng không có việc Ngân hàng V , Công ty M , Ông Đ , Ông Vũ A cùng có mặt để thỏa

thuận ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011. Điều 405 Bộ luật dân sự quy định : " *Hợp đồng giao kết hợp pháp có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết*", như phân tích ở trên, không đủ cơ sở xác định ông Đ , anh Vũ Anh ký và giao kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011, do vậy không làm phát sinh nghĩa vụ bảo đảm của Ông Đ , Ông Vũ A đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011.

Ngân hàng V cho rằng việc tất toán Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010 và ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 là đáo nợ do vậy Hợp đồng thế chấp và phụ lục hợp đồng thế chấp nêu trên vẫn phát sinh hiệu lực.

Khoản 6 điều 12 Nghị định 83/2010 ngày 23/7/2010 của Chính Phủ quy định : " *Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung giao dịch đảm bảo đã đăng ký . Người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ thay đổi khi có một trong các căn cứ sau : 5. Thay đổi nội dung khác đã đăng ký* "

Thấy rằng căn cứ Hợp đồng thế chấp , Phụ lục Hợp đồng thế chấp thể hiện tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng cấp tín dụng số 076/10/VAB-HN/HĐCHM ngày 19/8/2010 không thể hiện đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011, nếu trong trường hợp Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 là đáo nợ thì buộc các bên phải ký kết thỏa thuận bổ sung nghĩa vụ dân sự của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/08/2011 vào Hợp đồng thế chấp cũng như thay đổi nội dung giao dịch đảm bảo theo Khoản 6 điều 12 Nghị định 83/2010 ngày 23/7/2010 của Chính Phủ về giao dịch đảm bảo. Toà án đã điều tra xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai Hai bà Trưng thể hiện chỉ có việc đăng ký giao dịch đảm bảo của Hợp đồng thế chấp số 6327.2010/HĐTC ngày 19/8/2010, việc Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là có căn cứ, nên chấp nhận. Tại cấp phúc thẩm sau khi có kết luận giám định, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm rút 1 phần kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng V , thấy rằng quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp pháp luật

Từ những phân tích trên căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận 1 phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận Hai bà Trưng, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng V sửa án sơ thẩm về lãi suất quá hạn.

* Về án phí : Ngân hàng V phải chịu 5.000.000đ chi phí giám định và 2.000.000đ án phí phúc thẩm. Do sửa án sơ thẩm về lãi suất quá hạn nên xác định lại án phí sơ thẩm.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 342, 343, khoản 1 điều 350, khoản 1 điều 357, 361, 362, 369 , 450, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Khoản 2 điều 105 , khoản 2 điều 107 Luật đất đai 2003.

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ điều 91,khoản 1 điều 95, điều 96, điều 147, điều 148, khoản 1 điều 161, khoản 2 điều 308, điều 313, 349 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 ,Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 , Khoản 6 điều 12 Nghị định 83/2010 ngày 23/7/2010 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ điều 48 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 2 điều 27, điều 29 Pháp lệnh án phí , lệ phí Toà án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Chấp nhận 1 phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận Hai bà Trưng, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á.

Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/ KDTM – ST ngày 7 tháng 1 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hai bà Trưng và quyết định như sau :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với đối với Công ty TNHH Một thành viên M .

2. Buộc Công ty TNHH Một thành viên M phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ tính đến ngày 27/12/2018 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số

100/11/VAB-HN/HĐHM ngày 26/8/2011, Giấy nhận nợ số 001/GNNHM ngày 26/8/2011, cụ thể:

- Nợ gốc là: 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ*)

- Nợ lãi trong hạn là: 212.333.333 (*Hai trăm mười hai triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba*) đồng

- Nợ lãi quá hạn là: 1.508.708.334 đồng (*Một tỷ, năm trăm linh tám triệu, bảy trăm linh tám ngàn, ba trăm ba tư đồng)*

Tổng cộng là 3.721.041.667đ (*Ba tỷ, bảy trăm hai mốt triệu, không trăm bốn mốt ngàn sáu trăm sáu bảy đồng*).

Kể từ ngày 28/12/2018 Công ty TNHH Một thành viên M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại Thương mại cổ phần Việt Á.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V về xử lý tài sản bảo đảm. Trong trường hợp Công ty TNHH Một thành viên M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần V không có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, thuộc thửa đất số 142; tờ bản đồ số 6I-III-17 tại số 46A Tổ 12A, phường T , quận H , Hà Nội, diện tích 55,7m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107193885; hồ sơ gốc số: 130.2004.QĐUB 246.2004 do UBND quận Hai Bà Trưng, cấp ngày 20/9/2004 đứng tên ông Nguyễn Huy Đ , đăng ký sang tên tại UBND quận Hai Bà Trưng ngày 20/7/2009 đứng tên ông Đvà ông Nguyễn Đỗ Vũ A theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 6327.2010.TC ngày 19/8/2010 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 5613/2011/PLHĐTC ngày 26/8/2011 được công chứng tại Phòng Công chứng số 6 Hà Nội giữa ông Nguyễn Huy Đ , anh Nguyễn Đỗ Vũ A , Công ty M do Bà Phạm Thùy M – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty là đại diện và Ngân hàng V – Chi nhánh Hà Nội do ông Võ Thành P – Giám đốc chi nhánh là đại diện; Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký Đất và nhà quận H , Hà Nội ngày 23/8/2010.

Ngân hàng thương mại cổ phần V có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục xóa đăng ký giao dịch đảm bảo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 6327.2010.TC ngày 19/8/2010 tại Văn phòng Đăng ký Đất và nhà quận H , Hà Nội và

trả lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107193885; hồ sơ gốc số: 130.2004.QĐUB 246.2004 do UBND quận Hai Bà Trưng, cấp ngày 20/9/2004 đứng tên ông Nguyễn Huy Đ , đăng ký sang tên tại UBND quận Hai Bà Trưng ngày 20/7/2009 đứng tên ông Đvà anh Nguyễn Đỗ Vũ A cho ông Đvà anh Nguyễn Đỗ Vũ A .

4. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với: Số tiền lãi phạt chậm trả tính đến hết ngày 27/12/2018 là 433.830.876 đồng và số tiền lãi phạt chậm trả phát sinh kể từ ngày 28/12/2018 cho đến khi Công ty TNHH Một thành viên M thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng V .

5. Về án phí:

Công ty TNHH Một thành viên M phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 106.420.000đ *(Một trăm linh sáu triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng)*.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.124.129 đồng theo Biên lai thu tiền số AG/2010/0003798 ngày 02/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội.

Ngân hàng thương mại cổ phần V phải chịu 2.000.000đ án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nộp tại theo Biên lai số 2061 ngày 22/1/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai bà Trưng và 5.000.000đ chi phí giám định (đã nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 29/11/2019.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Nơi nhận:
- *Tòa án ND Quận Hai bà Trưng;*
- *Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;*
- *Đương sự.*
- *Lưu.*

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nơi nhận:
- TAND Quận Hai Bà Trưng.
- VKSND TP Hà nội .
- Đương sự.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh